

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT các mẫu, biểu mẫu	Tên biểu mẫu	Thay thế các biểu mẫu tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật
I	Lĩnh vực: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	
01	Phụ lục III Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
02	Phụ lục III Mẫu số 08. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 08 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
03	Phụ lục III Mẫu số 09. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ	Thay thế Mẫu số 09 Phụ lục III Thông tư số 23/2024/TT-BCT
04	Phụ lục V Mẫu số 01. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
05	Phụ lục V Mẫu số 02. Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
06	Phụ lục V Mẫu số 03. Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
07	Phụ lục V Mẫu số 04. Nội dung thuyết minh đề án khoa học và công nghệ	Thay thế Mẫu số 04 Phụ lục V Thông tư số 23/2024/TT-BCT
II	Lĩnh vực: Xuất nhập khẩu	
01	Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục I Thông tư số 11/2015/TT-BCT
02	Phụ lục II. Mẫu Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục II Thông tư số 11/2015/TT-BCT
03	Phụ lục III. Mẫu Giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng đối với vật liệu nổ công nghiệp)	Thay thế Phụ lục III Thông tư số 11/2015/TT-BCT
04	Phụ lục 2. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục 2 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
05	Phụ lục 3. Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục 3 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
06	Phụ lục 4. Mẫu đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	Thay thế Phụ lục 4 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
07	Phụ lục 5. Mẫu giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục 5 Thông tư số 22/2009/TT-BCT
08	Phụ lục 6A. Mẫu văn bản trả lời đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng trong	Thay thế Phụ lục 6A Thông tư số 22/2009/TT-BCT

4

	trường hợp đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	
09	Phụ lục 6B. Mẫu văn bản trả lời đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục 6B Thông tư số 22/2009/TT-BCT
10	Phụ lục I. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục I Thông tư số 24/2024/TT-BCT
11	Phụ lục II. Mẫu Giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục II Thông tư số 24/2024/TT-BCT
12	Phụ lục III. Mẫu đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa	Thay thế Phụ lục III Thông tư số 24/2024/TT-BCT
13	Phụ lục IV. Mẫu Giấy phép quá cảnh hàng hóa (dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT)	Thay thế Phụ lục IV Thông tư số 24/2024/TT-BCT
14	Phụ lục V. Mẫu đơn đề nghị cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh	Thay thế Phụ lục V Thông tư số 24/2024/TT-BCT
15	Phụ lục X. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài	Thay thế cho Phụ lục X Thông tư số 12/2018/TT-BCT
16	Phụ lục XI. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu hàng mẫu quân phục	Thay thế cho Phụ lục XI Thông tư số 12/2018/TT-BCT
17	Phụ lục I. Danh sách các mẫu C/O do Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp	Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT
18	Phụ lục II. Danh sách các mẫu C/O do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT
III	Lĩnh vực: Hóa chất	
01	Phụ lục I Mẫu 01c. Mẫu giấy xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành	Thay thế Mẫu 01c Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT
02	Phụ lục III Mẫu 03a. Mẫu văn bản đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	Thay thế Mẫu 03a Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT
03	Phụ lục III Mẫu 03đ. Mẫu biên bản, báo cáo kết quả kiểm tra của Hội đồng thẩm định và mẫu phiếu nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các yêu cầu của Hội đồng thẩm định	Thay thế Mẫu 03đ Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BCT

04	Phụ lục VI Mẫu 06a. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06a Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
05	Phụ lục VI Mẫu 06b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06b Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
06	Phụ lục VI Mẫu 06c. Mẫu Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Mẫu 06c Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
07	Phụ lục X Mẫu 10a. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10a Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
08	Phụ lục X Mẫu 10b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10b Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
09	Phụ lục X Mẫu 10c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện	Thay thế Mẫu 10c Phụ lục X kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
10	Phụ lục XI Mẫu 11a. Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11a Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
11	Phụ lục XI Mẫu 11b. Văn bản đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11b Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
12	Phụ lục XI Mẫu 11c. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất	Thay thế Mẫu 11c Phụ lục XI kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
13	Phụ lục IX. Mẫu phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt	Thay thế Phụ lục IX kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BCT
IV	Lĩnh vực: Sản xuất, kinh doanh thuốc lá	
01	Phụ lục 8. Báo cáo tình hình bán hàng theo đối tượng khách hàng	Thay thế Phụ lục số 08 Thông tư 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 19 Phần II Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BCT
02	Phụ lục 9. Báo cáo tình hình bán hàng theo nhãn hiệu sản phẩm thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 09 Thông tư 43/2023/TT-BCT, Mẫu số 20 Phần II Phụ lục I Thông tư số 38/2025/TT-BCT
03	Phụ lục 55. Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá trên địa bàn	Thay thế Phụ lục số 55 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
04	Phụ lục 62. Báo cáo tình hình đầu tư trồng cây thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 62 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
05	Phụ lục 64. Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh chế biến nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 64 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.
06	Phụ lục 65. Báo cáo tình hình sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá	Thay thế Phụ lục số 65 Thông tư số 57/2018/TT-BCT.

I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**Mẫu số 01****PHỤ LỤC III****Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ***(Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)*.....⁽¹⁾.....**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...**GIẤY ĐỀ NGHỊ****Cấp giấy phép⁽³⁾.....****Kính gửi:⁽⁴⁾.....**

Tên doanh nghiệp:.....

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), tỉnh (thành phố)*):

.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Số giấy phép kinh doanh (*áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ*):

Lý do đề nghị cấp:

TT	Tên ⁽⁵⁾ ...	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Số lượng	Số lượng
1					
2					
...					

Cửa khẩu; phương tiện, thời gian vận chuyển:

#

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁵⁾..... xem xét và cấp giấy phép⁽³⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁶⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (3) Loại hình cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (giấy phép xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;...).
- (4) Cơ quan cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (5) Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

PHỤ LỤC III

Mẫu số 08. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ
(Thay thế Mẫu số 08 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....⁽¹⁾..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /.....⁽²⁾.....
.....⁽³⁾....., ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP KINH DOANH⁽⁴⁾.....

.....⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾.....;
Theo đề nghị của⁽⁷⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽⁶⁾.....;
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do⁽⁸⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm ;
Trụ sở tại:⁽⁹⁾.....;
Điện thoại: ; Fax:;
Được kinh doanh⁽⁴⁾.....
.....⁽¹⁰⁾.....

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

1.⁽¹¹⁾.....

2. Các điều kiện khác (phạm vi, các hạn chế về kinh doanh...).

Điều 3......⁽⁶⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹²⁾... và những quy định pháp luật liên quan./

Nơi nhận:⁽¹³⁾.....
.....⁽⁶⁾.....;
.....⁽¹⁴⁾.....;
- Lưu:⁽¹⁵⁾.....

(Chữ ký, dấu)

*

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (2) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (4) Tên hàng hóa được phép kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ).
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
- (6) Tên doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
- (8) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (9) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (10) Địa chỉ kho chứa tiền chất thuốc nổ (ghi rõ địa chỉ), kho của bên mua/bên bán (ghi rõ tên công ty) (sử dụng đối với giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ).
- (11) Chung loại, tên hàng hóa được kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp; Amoni Nitrat).
- (12) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
- (13) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (14) Tên các tổ chức có liên quan.
- (15) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

* Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

PHỤ LỤC III**Mẫu số 09. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ***(Thay thế Mẫu số 09 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)*

..... ⁽¹⁾ Số: /GP-..... ⁽²⁾ ...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> ⁽³⁾, ngày ... tháng ... năm 20...
GIẤY PHÉP ⁽⁴⁾	
..... ⁽⁵⁾	
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024; Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;	
Xét đề nghị của ⁽⁶⁾;	
Theo đề nghị của ⁽⁷⁾;	
QUYẾT ĐỊNH:	
Điều 1. Cho phép ⁽⁶⁾;	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do ⁽⁸⁾ cấp ngày ... tháng ... năm hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...;	
Trụ sở tại: ⁽⁹⁾;	
Điện thoại: ; Fax:;	
Được ⁽⁴⁾	
Điều 2. Điều kiện ⁽⁴⁾	
1. Chủng loại, số lượng, nước sản xuất..... ⁽¹⁰⁾ (phụ lục kèm theo);	
2. Tên cửa khẩu ⁽⁴⁾ ;	
3. Phương tiện vận chuyển:	
4. Thời gian: từ ngày đến ngày ... tháng ... năm 20...	
Điều 3. ⁽⁶⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ⁽¹¹⁾ và những quy định pháp luật liên quan./.	
Nơi nhận: - ⁽⁶⁾; - ⁽¹³⁾; - Lưu: ⁽¹⁴⁾, ⁽¹²⁾ (Chữ ký, dấu)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (2) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (4) Tên loại hình hoạt động (Ví dụ: Xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; nhập khẩu tiền chất thuốc nổ...).
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
- (6) Tên tổ chức/doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
- (8) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
- (9) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
- (10) Loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Ví dụ: kíp nổ điện số 8, Amoni Nitrat).
- (11) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
- (12) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (13) Tên các tổ chức có liên quan;
- (14) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.

* Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

PHỤ LỤC V

Mẫu số 01. Văn bản đăng ký mới, đăng ký bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

(Thay thế Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v ...⁽³⁾.... nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu nổ

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

1. Tên tổ chức/doanh nghiệp:⁽¹⁾.....

2. Địa chỉ liên lạc (*Thôn (tổ), xã (phường), tỉnh (thành phố)*):

.....

Điện thoại: Email:

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số Cơ quan cấp: cấp ngày tại

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, ...⁽¹⁾... đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm vật liệu nổ với nội dung, hồ sơ như sau:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

b) Lý do đề xuất (*Nêu rõ tính cấp thiết, vấn đề thực tiễn cần giải quyết và sự phù hợp của vấn đề cần giải quyết với mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến: làm rõ triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp*):

c) Mục tiêu (*Nêu cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể*):

d) Yêu cầu về sản phẩm (*Mô tả dự kiến sản phẩm có thể đạt được, dự kiến các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm; Ảnh hưởng của kết quả dự kiến đạt được đến nghiên cứu/sản xuất, đối tượng hưởng lợi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ*)



khoa học và công nghệ; Mô tả phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng tiếp theo):

đ) Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả (*Liệt kê các nội dung chính sẽ thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra*):

e) Dự kiến thời gian thực hiện (*số tháng, bắt đầu từ...*):

g) Khả năng và địa chỉ áp dụng (*Nêu rõ khả năng, hiệu quả, tác động của việc áp dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tế, dự báo nhu cầu (địa điểm, quy mô, thời gian, đối tượng...)*):

(Có Thuyết minh nhiệm vụ kèm theo)

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt nhiệm vụ đề ...⁽¹⁾... triển khai thực hiện theo quy định.

...⁽¹⁾... cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, các quy định khác có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nói trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ.
- (2) Địa danh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức/doanh nghiệp.
- (3) Nội dung đăng ký (*Đăng ký mới hoặc đăng ký bổ sung*).
- (4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức/doanh nghiệp đăng ký nhiệm vụ có trụ sở chính.

PHỤ LỤC V

Mẫu số 02. Nội dung thuyết minh dự án khoa học và công nghệ
(Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

- 1. Tên dự án: Mã số:
- 2. Thời gian thực hiện
- 3. Chủ nhiệm dự án (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác):.....
- 4. Thư ký dự án (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác):
.....
- 5. Tổ chức chủ trì thực hiện dự án (Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật):
- 6. Tổ chức tham gia chính (Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu người đại diện theo pháp luật):
- 7. Người tham gia thực hiện dự án (Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án):
- 8. Xuất xứ dự án (Ghi rõ xuất xứ của dự án (từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị; từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ; kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài; sản phẩm khoa học và công nghệ khác)):
.....
- 9. Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án (Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án; lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án; tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; năng lực thực hiện dự án; khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất, kinh doanh)):
.....

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

1. Mục tiêu (*Ghi rõ mục tiêu của dự án sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra; mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm*):

2. Nội dung (*Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án; phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ; liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm*):

.....

3. Phương án triển khai (*Phương thức tổ chức thực hiện; mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án; Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án*):

4. Sản phẩm của Dự án:

5. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc:

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....

PHỤ LỤC V**Mẫu số 03. Nội dung thuyết minh đề tài khoa học và công nghệ***(Thay thế Mẫu số 03 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)***I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

1. Tên đề tài: Mã số:
2. Thời gian thực hiện
3. Chủ nhiệm đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
4. Thư ký đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
7. Người tham gia thực hiện đề tài (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

1. Mục tiêu của đề tài:
2. Tình trạng đề tài:
3. Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:
5. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện:
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
7. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong

nước:

8. Tiến độ thực hiện (*Ghi rõ tiến độ, người thực hiện của các nội dung, công việc*):

III. SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ TÀI

1. Sản phẩm khoa học và công nghệ chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (*Liệt kê theo dạng sản phẩm*):

2. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu: ...

.....

3. Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả đề tài:

4. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

PHỤ LỤC V**Mẫu số 04. Nội dung thuyết minh đề án khoa học và công nghệ***(Thay thế Mẫu số 04 Phụ lục V kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT)***I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**

1. Tên đề án: Mã số:
2. Thời gian thực hiện:
3. Chủ nhiệm đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
4. Thư ký đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; học hàm, học vị/trình độ chuyên môn; chức danh khoa học; chức vụ; điện thoại; Fax; email; tên và địa chỉ tổ chức đang công tác*):
5. Tổ chức chủ trì thực hiện đề án (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
6. Tổ chức tham gia chính (*Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website; họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật*):
7. Người tham gia thực hiện đề án (*Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu, tổ chức công tác, nội dung công việc tham gia, thời gian làm việc cho dự án*):

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu của đề án:
2. Tình trạng đề án:
3. **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án**
4. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:
5. Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề án và phương án thực hiện:
6. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
7. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong

nước:

8. Tiến độ thực hiện (*Ghi rõ tiến độ, người thực hiện của các nội dung, công việc*):

✶

II. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU**Mẫu số 01****PHỤ LỤC I****MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA***(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT)*

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Chủ hàng: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển: *(Trường hợp hàng hóa quá cảnh là phương tiện vận chuyển được phép tự hành thì mục này ghi "phương tiện tự hành")*

6. Thời gian dự kiến quá cảnh:

*(Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....)*II. Người chuyên chở: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam ký Hợp đồng vận chuyển hàng quá cảnh với chủ hàng).*

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

.....
Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng quá cảnh *(ký giữa chủ hàng với doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam).***Người đại diện theo pháp luật của thương nhân, chủ hàng**
*(ký tên và đóng dấu)** **Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

✱

PHỤ LỤC II
MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 ----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....
 V/v cho phép quá cảnh
 hàng hóa

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

Kính gửi: (Chủ hàng hóa quá cảnh Trung Quốc)

- Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BCT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa của (*ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng hóa quá cảnh Trung Quốc*).....,

[Cơ quan cấp phép] cho phép (*chủ hàng hóa quá cảnh Trung Quốc*) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển: (*Trường hợp hàng hóa quá cảnh là phương tiện vận chuyển được phép tự hành thì mục này ghi "phương tiện tự hành"*)

6. Người chuyên chở: Công ty ... (*ghi rõ tên, địa chỉ của doanh nghiệp vận chuyển Việt Nam*) đảm nhận việc vận chuyển lô hàng quá cảnh.

Văn bản này có hiệu lực thực hiện đến hết ngày ... tháng ... năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,

✍

- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

dấu của cơ quan, tổ chức)

***Lưu ý:** Mẫu này dùng cho trường hợp cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư (trừ vật liệu nổ công nghiệp)

- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

dấu của cơ quan, tổ chức)

***Lưu ý:** Mẫu này dùng cho trường hợp cấp giấy phép quá cảnh vật liệu nổ công nghiệp.

Phụ lục 2**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

I. Chủ hàng: (ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với thương nhân Việt Nam hoặc thương nhân Lào thì ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, fax của thương nhân vận chuyển)

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng hoặc người chuyên chở):

.....

Kèm theo Đơn này là văn bản đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Chủ hàng ký tên và đóng dấu

(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)

* **Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục 3**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA***(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của**Thông tư số 22/2009/TT-BCT)**(Thay thế Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)*

....., ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

1. Chủ hàng (*ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax*):Đề nghị [Cơ quan cấp phép] gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số
do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày tháng..... năm 20....

2. Lý do đề nghị gia hạn:

.....
.....3. Thời gian dự kiến xin gia hạn: (*Đến ngày tháng năm 20.....*)

4. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng hoặc người chuyên chở):

.....
.....
.....

Kèm theo Đơn này là bản sao Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20... và văn bản đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (bản chính).

Chủ hàng ký tên và đóng dấu*(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)**** Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục 4
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

(Thay thế Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Chủ hàng: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cho phép tiêu thụ hàng quá cảnh theo các nội dung sau đây:

1. Tờ khai hải quan số ngày tháng năm 20...
2. Miêu tả chi tiết:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

3. Lý do đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam:

.....
.....

4. Thời gian tiêu thụ (dự kiến):

(Từ ngày tháng ... năm 20 ... đến ngày ... tháng ... năm 20...)

5. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng hoặc người chuyên chở)

.....
.....
.....

Kèm theo Đơn này là tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng quá cảnh đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam.

Chủ hàng ký tên và đóng dấu

(Người ký là người đứng đầu thương nhân, ghi rõ chức danh)

* **Lưu ý:** Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

✱

Phụ lục 5**MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

(Thay thế Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v cho phép quá cảnh
hàng hóa

....., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào) Và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm;

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Lào) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng ... năm 20...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

*

Phụ lục 6A
MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ
CẢNH HÀNG HÓA

(Mẫu này dùng trong trường hợp đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)
(Thay thế Phụ lục 6A kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

V/v gia hạn giấy phép quá
 cảnh hàng hóa

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của (*ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào*) và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm

[Cơ quan cấp phép] đồng ý gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số: do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20.... cho (*chủ hàng quá cảnh Lào*).

Thời gian gia hạn: Đến hết ngày tháng năm 20 ...

Hết thời hạn trên, giấy phép đã cấp không còn hiệu lực.

[Cơ quan cấp phép] thông báo đề (*Chủ hàng quá cảnh Lào*) biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
 dấu của cơ quan, tổ chức)*

Phụ lục 6B**MẪU VĂN BẢN TRẢ LỜI ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA**

(Mẫu này dùng trong trường hợp không đồng ý gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa đã cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 22/2009/TT-BCT)
(Thay thế Phụ lục 6B kèm theo Thông tư số 22/2009/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

V/v gia hạn giấy phép quá
cảnh hàng hóa

Kính gửi: (Chủ hàng quá cảnh Lào)

- Căn cứ Thông tư số 22/2009/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép quá cảnh hàng hóa của (ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Lào) và văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày ... tháng ... năm;

[Cơ quan cấp phép] không đồng ý gia hạn Giấy phép quá cảnh hàng hóa số: do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20.... cho (chủ hàng quá cảnh Lào).

Lý do không đồng ý gia hạn

[Cơ quan cấp phép] thông báo đề(Chủ hàng quá cảnh Lào) biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)

PHỤ LỤC I
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG

Số, ký hiệu của văn bản , ngày.... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;

- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

3. Tuyến đường vận chuyên:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Thời gian dự kiến quá cảnh:

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

II. Người chuyên chở: (Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):.....

Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh (trong trường hợp chủ hàng ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 được nêu ở mục II Phụ lục này).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật, dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

*** Lưu ý:**

- Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

PHỤ LỤC II
MẪU GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

[Cơ quan cấp phép] **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....-....
V/v cho phép quá cảnh
hàng hóa

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: (chủ hàng hóa quá cảnh Campuchia)

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;

- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xét Đơn đề nghị cho phép quá cảnh hàng hóa của (*ghi rõ tên, địa chỉ chủ hàng quá cảnh Campuchia*) và văn bản đề nghị của Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia ngày ... tháng ... năm....,

[Cơ quan cấp phép] cho phép (chủ hàng quá cảnh Campuchia) quá cảnh hàng hóa theo các quy định sau đây:

1. Hàng quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Phương tiện vận chuyên:

5. Người chuyên chở: *(Nếu chủ hàng tự vận chuyên thì ghi "tự vận chuyên". Nếu ký hợp đồng vận chuyên với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyên).*

6. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng ... năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

* **Lưu ý:** *Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.*

PHỤ LỤC III
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA
(Thay thế Phụ lục III kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG

Số, ký hiệu của văn bản , ngày.... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;

- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail)*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cấp giấy phép quá cảnh hàng hóa theo các nội dung sau đây:

1. Hàng hóa quá cảnh:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

2. Cửa khẩu nhập hàng:

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Tuyến đường vận chuyển:

5. Phương tiện vận chuyển:

6. Thời gian dự kiến quá cảnh:

II. Người chuyên chở: *(Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).*

III. Địa chỉ nhận giấy phép (của chủ hàng):

Kèm theo Đơn này là Hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh *(trong trường hợp chủ hàng ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 được nêu ở mục II Phụ lục này).*

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

*** Lưu ý:**

- Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

3. Cửa khẩu xuất hàng:

4. Phương tiện vận chuyển:

5. Người chuyên chở: *(Nếu chủ hàng tự vận chuyển thì ghi "tự vận chuyển". Nếu ký hợp đồng vận chuyển với doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ 3 thì ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại và số fax, e-mail của doanh nghiệp vận chuyển).*

6. Văn bản này có hiệu lực đến ngày ... tháng .. năm 20 ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương;
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

* **Lưu ý:** *Mẫu này dùng cho hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.*

PHỤ LỤC V
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH
(Thay thế Phụ lục V kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BCT)

TÊN CHỦ HÀNG

Số, ký hiệu của văn bản , ngày.... tháng năm 20

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TIÊU THỤ HÀNG HÓA QUÁ CẢNH

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

- Thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ngày 26 tháng 12 năm 2013;

- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2014/TT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quá cảnh hàng hóa của Vương quốc Campuchia qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Chủ hàng: *(ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại, fax)*

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] cho phép tiêu thụ hàng hóa quá cảnh theo các nội dung sau đây:

1. Giấy phép quá cảnh hàng hóa số do [Cơ quan cấp phép] cấp ngày ... tháng ... năm 20... (nếu là hàng quá cảnh theo giấy phép).

2. Tờ khai hải quan số..... ngày ... tháng ... năm 20...

3. Mô tả chi tiết:

STT	Tên hàng	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Bao bì và ký mã hiệu	Ghi chú
1
2

4. Lý do đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam: *(nêu rõ lý do cụ thể và nội dung chứng minh trường hợp bất khả kháng)*.....

5. Thời gian tiêu thụ (dự kiến):

(Từ ngày ... tháng ... năm 20... đến ngày ... tháng ... năm 20...)

6. Địa chỉ nhận văn bản trả lời (của chủ hàng):

Kèm theo Đơn này là bản sao Giấy phép quá cảnh hàng hóa (nếu là hàng hóa quá cảnh theo giấy phép) và tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng đối với hàng hóa quá cảnh đề nghị cho phép tiêu thụ tại Việt Nam.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật, dấu của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

*** Lưu ý:**

- Nếu văn bản có từ 02 tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.

Phụ lục X
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SẢN XUẤT, GIA CÔNG XUẤT
KHẨU QUÂN PHỤC CHO CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NƯỚC
NGOÀI

(Thay thế Phụ lục X kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BCT)

TÊN THƯƠNG NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... / ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu quân phục cho
các lực lượng vũ trang nước ngoài

Kính gửi: [Cơ quan cấp phép]

Tên thương nhân:

Trụ sở giao dịch: ... Điện thoại: ... Fax: ...

Người liên hệ: ... Chức danh ... Điện thoại: ...

Địa điểm sản xuất:

Số xưởng sản xuất: ... Số chuyền sản xuất: ...

Số lượng lao động:

Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Đề nghị [Cơ quan cấp phép] xem xét cấp Giấy phép sản xuất, gia công xuất khẩu hàng quân phục cho các lực lượng vũ trang nước ngoài thực hiện Đơn đặt hàng số ... ngày ... tháng ... năm ... / Văn bản giao kết hợp đồng số ... ngày ... tháng ... năm ... cụ thể như sau:

- Người nhập khẩu: ... có địa chỉ tại: ...
- Nước đặt hàng:
- Nước nhập khẩu:
- Đơn vị sử dụng cuối cùng hàng quân phục:
- Tên hàng:

- Số lượng:
- Trị giá:
- Cảng đến:
- Mẫu nhập khẩu:

(Thương nhân) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018, các quy định hiện hành có liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CÁC MẪU C/O
DO CỤC XUẤT NHẬP KHẨU (BỘ CÔNG THƯƠNG) CẤP
(Thay thế Phụ lục I kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT)

STT	Tên mẫu C/O	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
3	C/O mẫu AK	Thông tư số 49/2025/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các Nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc
4	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
5	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân Thông tư số 44/2025/TT-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2025 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu Di-lân
6	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực

STT	Tên mẫu C/O	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
7	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 14/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
8	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
9	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
10	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
11	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
12	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH CẤP
(Thay thế Phụ lục II kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 49/2025/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại hàng hóa thuộc Hiệp định khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các Nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân Thông tư số 44/2025/TT-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2025 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu Di-lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 14/2026/TT-BCT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
		trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ
21	C/O mẫu UAE-VN	Thông tư số 24/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất